

VF4

**QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP
HÀNG ĐẦU VIỆT NAM**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



VIETFUND MANAGEMENT

MỤC LỤC

VF4	1
Danh mục các chữ viết tắt	3
Thông tin tóm tắt về quỹ	4
Điểm tài chính nổi bật	5
Phát biểu của Tổng Giám Đốc	6
THẢO LUẬN BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ	7
Môi trường đầu tư năm 2016	8
Báo cáo hoạt động quỹ VF4 năm 2016	10
Định hướng đầu tư 2017	13
DANH MỤC ĐẦU TƯ ĐIỂN HÌNH	14
GIỚI THIỆU BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	26
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)	28
Giới thiệu công ty và hoạt động	29
Danh sách đại lý phân phối và thành viên lập quỹ	30
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT	32

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

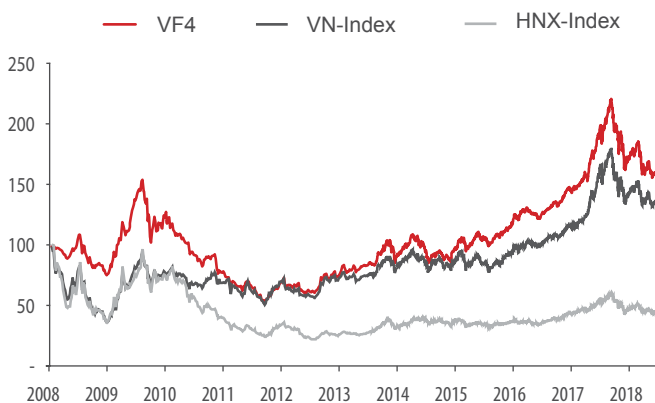
CCQ	: Chứng chỉ quỹ
Cổ phiếu OTC	: Cổ phiếu chưa niêm yết
Công ty CP/CTCP	: Công ty Cổ phần
Công ty VFM	: Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
CPI	: Chỉ số giá tiêu dùng
GDP	: Tổng thu nhập quốc doanh
HNX-Index	: Chỉ số HNX-Index
NAV	: Giá trị tài sản ròng
Quỹ đầu tư VF4/VFMVF4	: Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
SGDCK Hà Nội/HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
SGDCK Tp.HCM/HSX/HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
Tp.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
TTCK	: Thị trường chứng khoán
TTCP	: Trái phiếu Chính phủ
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND Tp.HCM	: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
UPCOM	: Thị trường giao dịch chứng khoán của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết
USD	: đô la Mỹ
VN-Index	: Chỉ số VN-Index

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

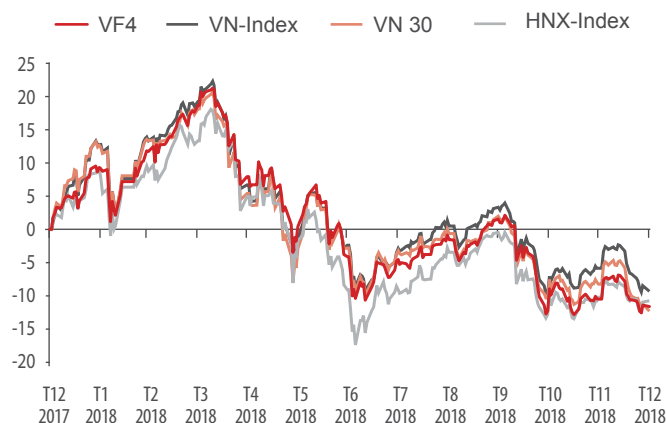
Tên quỹ	QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Mục tiêu đầu tư	Tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam.
Tiền tệ	Đồng Việt Nam (VNĐ)
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân Hàng Standard Chartered VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, KIS, FPTIS, MSBS, SBS, SSI, VDSC, VCSC, VCBS, VND, VFM
Các loại phí	
• Phí quản lý	Tối đa 2%/NAV/năm
• Phí phát hành	Từ 0.25% - 0.75% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua
• Phí mua lại	Từ 0% đến 1,5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua
• Phí chuyển đổi	0% cho số lượng đăng ký bất kỳ
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Tần suất giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	Trước 14h30 tại 1 ngày trước ngày giao dịch (ngày T-1)
Phân phối lợi nhuận	Có thể chia hàng năm theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư
Mức độ rủi ro	Cao
Mức tham chiếu đánh giá kết quả đầu tư	Dựa vào mức tăng trưởng của chỉ số VN-Index

ĐIỂM TÀI CHÍNH NỔI BẬT

**Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động
(28/02/2008 = 100)**



**Tăng trưởng trong năm 2018
(01/01/2016 = 100)**



Giá trị tài sản ròng	2018	2017
NAV (tỷ đồng)	963.6	748.8
Số lượng ccq (triệu ccq)	59.6	40.9
NAV/ccq (đồng)	16,173.62	18,312.44
NAV/ccq cao nhất 52 tuần (đồng)	22,219.28	18,312.44
NAV/ccq thấp nhất 52 tuần (đồng)	15,946.65	10,261.85
Chi phí hoạt động/ tài sản bình quân (%)	2.2	2.1
Vòng quay danh mục đầu tư (%)	112.2	172.9
Tăng trưởng NAV/ccq trong năm (%)	-11.7	46.2
Tăng trưởng chỉ số thị trường trong năm (%):		
VN-Index	-9.3	48.0
HNX -Index	-10.8	45.9

Thống kê chỉ số cơ bản	VF4	Top 50 thị trường
P/E	12.1	15.8
P/B	2.6	2.3
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (%)	25.6	24.5
Tỷ suất sinh lời cổ tức (%)	1.7	2.1
Số lượng cổ phiếu	33	373
Hệ số Beta	1.0	1.0
Độ biến động bình quân năm (%)	22.6	22.0
Hệ số Sharpe	-0.7	-0.6

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Năm 2017 là một năm đặc biệt của nền kinh tế Việt Nam với những chuyển biến ấn tượng trên nhiều phương diện. Thị trường chứng khoán Việt Nam – hàn thử biểu của nền kinh tế - cũng trải qua một năm 2017 với kỷ lục về tăng trưởng vốn hóa vượt xa kế hoạch chính phủ đề ra, chỉ số VN -Index liên tục chinh phục những mốc đỉnh của 10 năm trước, dòng tiền lớn của nhà đầu tư ngoại liên tiếp đổ vào thị trường tìm kiếm cơ hội đã giúp cho Việt Nam trở thành thị trường hấp dẫn hàng đầu châu Á.

Trong bối cảnh thuận lợi đó, Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4) đã có một năm đầy trái ngọt. Quỹ VF4 đạt tăng trưởng 46,2% cho cả năm 2017, cao nhất trong lịch sử của VF4 và gần gấp 3 lần tăng trưởng của năm 2016 (16,38%), tổng tài sản quản lý tăng lên 748,8 tỷ đồng. Năm 2017 là năm VF1 có tăng trưởng cao nhất nhờ thị trường bùng nổ vào quý cuối năm, kết hợp với các yếu tố kinh tế vĩ mô và dòng tiền nước ngoài vào thị trường. Kết quả này giúp VF4 đứng đầu nhóm quỹ mở đầu tư cổ phiếu trên thị trường Việt Nam.

Năm 2018 là năm kế thừa được nhiều nền tảng từ 2017 và cũng đầy sự thách thức về tăng trưởng cho VF4, nhưng chúng tôi tin rằng với nỗ lực và quyết tâm cùng sự tin tưởng từ quý nhà đầu tư, quỹ VF4 sẽ tiếp tục đạt được thành công rực rỡ.

Xin chân thành cảm ơn quý nhà đầu tư đã ủng hộ và đồng hành cùng VFM trong suốt thời gian qua và xin kính chúc quý nhà đầu tư cùng gia đình nhiều sức khỏe, hạnh phúc, thành công.

TRẦN THANH TÂN
Tổng Giám đốc

THẢO LUẬN BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

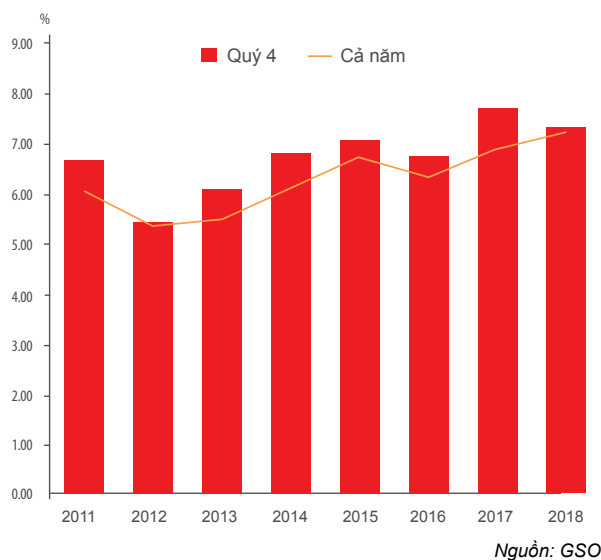
Kinh tế vĩ mô năm 2018

Năm 2018 có thể được đánh giá là năm đặc biệt thành công về tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Các chính sách linh hoạt của Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã đóng góp rất lớn trong việc kiểm soát lạm phát, duy trì mặt bằng lãi suất và ổn định tỷ giá giữa Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Việt Nam vẫn duy trì được sự hấp dẫn đối với dòng vốn FDI và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, là các động lực chính cho sự tăng trưởng trong giai đoạn hiện tại. Trong năm 2019, các yếu tố đã xuất hiện trong năm 2018 hỗ trợ cho sự ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng tiếp tục được duy trì. Ngoài ra các cơ hội đến từ việc dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam do tác động của các xung đột thương mại và lợi ích từ các hiệp ước thương mại tự do sẽ hỗ trợ tăng trưởng cho kinh tế Việt Nam. Kịch bản chung cho kinh tế vĩ mô Việt Nam 2019 sẽ là tiếp tục ổn định và duy trì tốc độ tăng trưởng GDP.

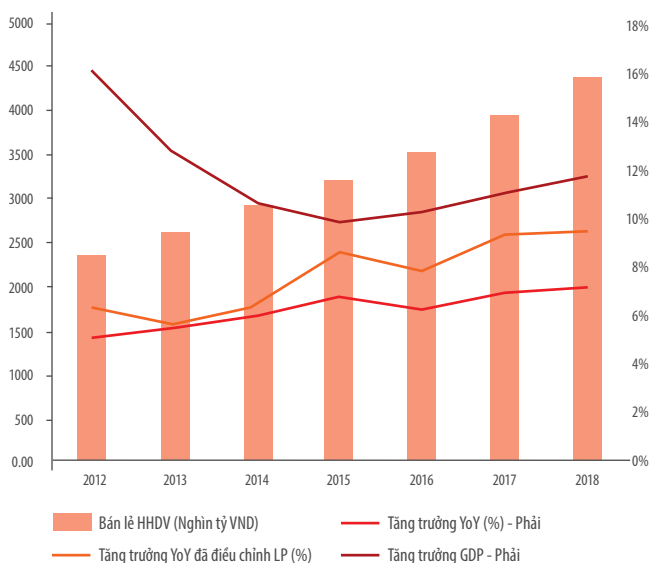
Sau giai đoạn đầu năm tăng trưởng thấp, kinh tế trong các quý cuối năm đã có sự tăng trưởng đột biến (tăng trưởng GDP quý 4 2018 đạt 7,31%, cao thứ 2 trong các năm trong giai đoạn 2011-2018) dẫn tới tốc độ tăng GD 7,08% cho cả năm 2018. Tốc độ tăng trưởng GDP cả năm cũng đã cho thấy sự phục hồi tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế. Tăng trưởng GDP 2018 có sự đóng góp lớn nhất từ nhóm ngành sản xuất và xây dựng (48,6%) và ngành dịch vụ (42,7% tổng tăng trưởng). Bên cạnh đó, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cả năm cũng đạt kết quả tốt hơn mục tiêu đã đề ra. Cụ thể lạm phát cả năm tăng 3,54% so với năm 2017 (Mục tiêu dưới 4%), tỷ giá liên ngân hàng VND-USD giảm 2,16% so với đầu năm (mục tiêu 2%), lãi suất cho vay tăng nhẹ (0,2% so với đầu năm), giải ngân FDI đạt 19,1 tỷ USD (năm 2017: 17,5 tỷ USD), xuất và nhập khẩu tăng trưởng tương ứng 13,8% và 11,5% so với 2017, dự trữ ngoại hối đạt 59 tỷ USD (tăng 5 tỷ USD so với 2017 và bằng giá trị 13 tuần nhập khẩu). Mục tiêu tổng quan đối với kinh tế vĩ mô Việt Nam là duy trì được sự ổn định (đặc biệt về tỷ giá và lãi suất) trong bối cảnh các nước trong khu vực có xu hướng phải tăng lãi suất để chống lại sự mất giá của đồng nội tệ khi FED tăng lãi suất. Tác động của chính sách tiền tệ tới sự ổn định là rõ ràng và Việt Nam đã phát huy được lợi thế về dòng vốn FII và FDI chảy vào nền kinh tế để duy trì sự ổn định đối với tỷ giá và gia tăng dự trữ ngoại hối.

Các động lực cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong trung hạn đang thể hiện sự duy trì mạnh mẽ, bao gồm việc thu hút FDI, gia tăng hoạt động sản xuất, tăng xuất khẩu và gia tăng tiêu dùng nội địa. Từ góc độ sản xuất, chỉ số PMI tháng 12 2018 đạt 53,8 điểm và việc duy trì mở rộng hoạt động sản xuất thể hiện bởi chỉ số PMI đã diễn ra liên tục từ tháng 12 2015 và đạt các mốc cao trong quý 4 2018. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPP) tăng 10,2% trong năm 2018 (cao hơn các năm 2015-2016 và thấp hơn 2017) trong đó ngành chế biến chế tạo có tốc độ tăng trưởng 12,3% so với 2017. Đối với FDI, ngành sản xuất, chế biến, chế tạo và ngành bất động sản là các lĩnh vực thu hút vốn FDI nhiều nhất với tổng vốn đăng ký mới và tăng vốn tại các dự án đạt 14,2 tỷ USD và 5,9 tỷ USD trong tổng giá trị 25,57 tỷ USD đăng ký mới và tăng vốn trong cả năm 2018. Bên cạnh duy trì tốc độ gia tăng xuất khẩu, tiêu dùng trong nước cũng đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn trong năm 2018 (11,7%) so với năm 2017 (11%). Nếu điều chỉnh cho lạm phát, tốc độ tăng trưởng bán lẻ hàng hóa dịch vụ năm 2018 so với năm 2017 là 9,4% (năm 2017 so với 2016 là 9,3%) và xu hướng tăng trưởng nhanh của giá trị bán lẻ hàng hóa dịch vụ trong giai đoạn 2012-2018 là rõ rệt. Với độ mở của nền kinh tế (tính theo tổng giá trị xuất nhập khẩu) lên tới 196,8% GDP 2018, việc gia tăng tiêu dùng nội địa có vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định của nền kinh tế Việt Nam.

Tốc độ tăng trưởng GDP quý 4 và cả năm giai đoạn 2011-2018 (%)

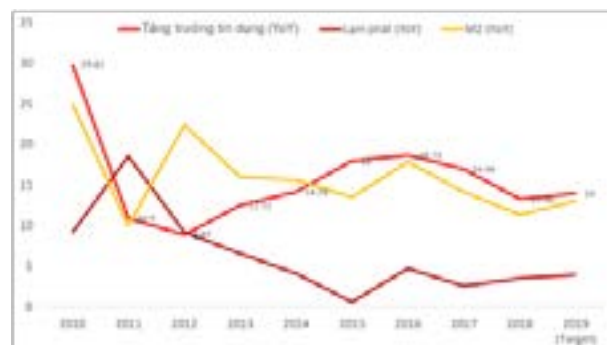


Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa dịch vụ và tăng trưởng GDP theo năm giai đoạn 2012-2018



Chính sách tiền tệ và tài khóa trong năm 2019 có xu hướng vận động trái chiều trong năm 2019. Xu hướng chính sách tiền tệ thận trọng hơn (bắt đầu từ giữa năm 2018) có khả năng cao sẽ được tiếp tục trong năm 2019. Năm 2018, tăng trưởng tín dụng và cung tiền là 13,3% và 11,34% so với tốc độ tăng tương ứng trong năm 2017 là 16,96% và 14,19%, tăng trưởng thực tế trong năm 2018 thấp hơn đáng kể so với mục tiêu đã đặt ra đầu năm. Mục tiêu đặt ra trong năm 2019 cho hai mục tiêu này là 14% và 13% (mục tiêu đã được đặt ra cho năm 2018 là 17% và 16%) trong điều kiện lạm phát mục tiêu không thay đổi (đều ở mức dưới 4% cho cả năm 2018 và 2019). Tuy nhiên chính sách tiền tệ có khả năng thay đổi để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế nếu có sự thay đổi trong môi trường kinh tế quốc tế dẫn tới việc tăng trưởng kinh tế Việt Nam chậm lại. Chính sách tài khóa đã không phát triển được trong năm 2018 mặc dù tổng đầu tư toàn xã hội không có sự suy giảm (tỷ lệ tổng đầu tư toàn xã hội tính trên GDP đạt 33,5% GDP 2018) do sự gia tăng đầu tư của khu vực tư nhân. Xu hướng suy giảm của đầu tư từ khu vực nhà nước là rõ rệt trong giai đoạn 2016-2018. Trong năm 2018, đầu tư từ khu vực nhà nước tăng 3,9% so với năm 2017, chiếm 33,3% tổng đầu tư toàn xã hội khi các số liệu tương ứng cho đầu tư từ khối tư nhân và FDI là 18,5%/43,3% và 9,6%/23,4%. Trong đầu tư từ khu vực nhà nước, đầu tư tư ngân sách đạt 92,3% kế hoạch năm (2017 đạt 93,3%) tương ứng 324,9 nghìn tỷ đồng. Trong điều kiện kinh tế thế giới nói chung đang đi vào giai đoạn tăng trưởng chậm lại, đầu tư công với các dự án lớn có thể là tác nhân tạo nên khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế. Việc gia tăng đầu tư công cũng là nguồn lực quan trọng để giải quyết vấn đề phát triển cơ sở hạ tầng để đảm bảo nền kinh tế có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng cần thiết. Chính phủ đã công bố các dự án đầu tư công lớn liên quan tới phát triển hạ tầng sẽ được triển khai sớm trong năm 2019.

Tăng trưởng tín dụng và cung tiền trong tương quan với tăng trưởng GDP (%) Giai đoạn 2010 - 2018



MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

Thị trường chứng khoán năm 2018

Kết thúc năm 2018, thị trường chứng khoán Việt Nam giảm 9,3%, sau khi đạt đỉnh vào giữa năm tại mức 1204 điểm, tương ứng với mức tăng 22,4% tính từ đầu năm 2018. Kết quả này khá bất ngờ và đi ngược lại phần lớn nhận định của tất cả thành phần tham gia thị trường trong và ngoài nước khi Việt Nam trong năm 2018 mới bước vào giai đoạn đầu của chu kỳ tăng trưởng mới, kế thừa sự ổn định của kinh tế vĩ mô giai đoạn 2015-2017, dòng tiền nước ngoài tiếp tục chảy mạnh vào thị trường vốn Việt Nam và các doanh nghiệp niêm yết dự báo kết quả kinh doanh tốt nhất trong vòng 3 năm trở lại đây.

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam chịu nhiều tác động từ thị trường thế giới do mức độ mở cửa nền kinh tế cao (chiếm

216,5% GDP) thì việc giảm điểm trong 2018 ở một góc độ khác được đánh giá là hợp lý và cần thiết cho sự phát triển bền vững của thị trường trong trung và dài hạn, khi thị trường chứng khoán Việt Nam đã tăng trưởng liên tục từ năm 2012 – 2017 với mức tăng trưởng trung bình hàng năm tương ứng 18,7%, cao hơn so với mức tăng của Thái Lan (9,4%), Philippines (11,7%) và Indonesia (8,9%) trong cùng kỳ. Thị trường chứng khoán Việt Nam kể từ khi thành lập luôn bị định giá chiết khấu so với các thị trường trong khu vực, nhưng đã vươn lên mạnh mẽ trong năm 2018 về quy mô và định giá. Tại một số thời điểm trong năm 2018, thị trường Việt Nam thậm chí còn được giao dịch ở mức thặng dư so với các thị trường lân cận.

Thị trường	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Philippines (PSEi)			
Vốn hóa / GDP (%)	54,2	65,9	53,4
P/E	19,6	22,0	18,7
P/B	2,2	2,5	2,0
Thailand (SET)			
Vốn hóa / GDP (%)	101,9	118,2	103,9
P/E	16,5	17,6	16,0
P/B	1,9	2,0	1,7
Indonesia (JCI)			
Vốn hóa / GDP (%)	45,6	51,3	45,8
P/E	23,7	22,4	19,7
P/B	2,4	2,5	2,3
Vietnam (VNI)			
Vốn hóa / GDP (%)	31,9	51,4	52,2
P/E	15,6	18,3	14,9
P/B	2,0	2,8	2,3

Việc thị trường Việt Nam được coi là điểm sáng trong khu vực trong năm 2018 còn được giải thích bởi yếu tố dòng tiền ngoại. Theo thống kê của VFM, Việt Nam là nước duy nhất ở khu vực châu Á hút ròng dòng vốn đầu tư gián tiếp trên thế giới, tương ứng với 1.884 triệu USD. Trong khi các quốc gia còn lại liên tục bị rút vốn (bằng chính phủ), do chịu tác động của chính sách thắt chặt tiền tệ của FED, chiến tranh thương mại và sự suy yếu của nền kinh tế của Trung Quốc đối với tăng trưởng trong khu vực.

Dòng vốn ngoại vào thị trường Việt Nam dự kiến sẽ còn tiếp tục tăng mạnh trong giai đoạn 2019-2020 khi các tổ chức xếp hạng thế giới lần lượt đưa Việt Nam vào danh sách theo dõi của các thị trường mới nổi. Trong năm 2018, tổ chức FTSE Russell đã đưa Việt Nam vào danh sách theo dõi để nâng hạng. Dự kiến Morgan Stanley Capital Management (MSCI) cũng sẽ có hành động tương tự nếu các điều kiện nâng hạng của tổ chức này thỏa mãn trong 2019-2020. Đây là 2 tổ chức lớn nhất trên thế giới về phân loại xếp hạng thị trường. Nếu Việt Nam thành

công trong việc nâng hạng thị trường sẽ mở cửa cho dòng vốn ngoại trị giá hàng tỷ USD chảy vào thị trường vốn, khi các nhà đầu tư phân bổ tài sản vào các quốc gia trong danh sách này.

Bên cạnh đó, thị trường Việt Nam còn nhận được sự hỗ trợ từ nền tảng cơ bản vững chắc khi các công ty niêm yết báo lãi kỷ lục trong năm 2018. Theo thống kê vào cuối tháng 1/2019, tổng doanh thu của các doanh nghiệp hàng đầu nằm trong rổ chỉ số VN30 Index đạt mức 814 ngàn tỷ đồng, tăng 17,6% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 136 ngàn tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2017. Số công ty có mức vốn hóa thị trường lớn hơn 1 tỷ USD đã vượt

mốc 20 công ty. Thanh khoản thị trường liên tục được cải thiện, hơn 150 triệu cổ phiếu trao tay với giá trị bình quân 4.000 tỷ đồng trong một ngày giao dịch. Rất nhiều công ty công bố lợi nhuận trước thuế cả năm 2018 vượt mốc 10.000 tỷ đồng, trong đó có thể kể đến một số công ty tiêu biểu như CTCP Vinhomes (19.609 tỷ đồng), Tổng Công ty Khí Việt Nam (15.355 tỷ đồng), CTCP Sứ Việt Nam (12.052 tỷ đồng), NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (18.300 tỷ đồng). Năm 2018 đánh dấu sự chuyển mình của đa số các doanh nghiệp Việt Nam cả về lượng và chất khi phần lớn các công ty niêm yết duy trì tốc độ tăng trưởng cao và đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường.

Triệu USD	2014	2015	2016	2017	2018
Vietnam	136	100	(345)	1,163	1,884
Indonesia	3,766	(1,580)	1,259	(2,960)	(3,656)
Thailand	(1,091)	(4,372)	2,241	(796)	(8,913)
Philippines	1,256	(1,194)	83	1,095	(1,080)
India	16,162	3,274	2,223	7,407	(4,666)
South Korea	5,684	(3,626)	10,480	8,268	(5,675)
Taiwan	13,190	3,345	11,297	8,792	(12,553)
Japan	22,545	3,485	(38,405)	(1,536)	(48,499)
South Africa	1,480	696	(7,382)	(2,415)	(3,101)

Mã cổ phiếu (tỷ đồng)	Doanh thu 2018	Doanh thu 2017	Lợi nhuận trước thuế 2018	Lợi nhuận trước thuế 2017
VIC	122,648	89,392	13,814	9,114
VHM	38,806	15,297	19,609	2,109
VNM	52,629	51,135	12,052	12,229
VCB	55,865	46,159	18,300	11,341
GAS	75,991	64,830	15,355	12,588
ACV	16,137	13,873	7,628	5,343
SAB	36,035	34,438	5,387	6,077
BID	90,074	78,629	9,473	8,665
MSN	39,379	38,980	6,244	4,139

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUỸ VF4 NĂM 2017

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“VF4”) giảm 11,7% trong năm 2018, tương ứng với đà giảm chung của thị trường. Các ngành tác động mạnh đến kết quả của danh mục bao gồm Dệt May và Thiết Bị Tiêu Dùng (+7,5%), Dịch Vụ Tiêu Dùng (+32,4%) và Bất Động Sản (+5,5%). Những cổ phiếu tiêu biểu đóng góp chính vào tăng trưởng của danh mục là CTCP Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận (+7,5%), CTCP Dịch vụ Hàng Không Taseco (+32,4%) và Tập đoàn Vingroup (+36,3%). Trong khi đó rất nhiều cổ phiếu cơ bản chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục VF4 có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt trong nhiều năm liền lại bị bán mạnh trên thị trường như CTCP Sữa Việt Nam (-28,9%), CTCP Đầu tư Thế giới di động (-10,2%). Nhìn chung, danh mục VF4 phân bổ tỷ trọng lớn vào các cổ phiếu blue-chips trên thị trường nên chịu tác động mạnh khi dòng vốn ngoại rút khỏi Việt Nam trong nửa cuối năm 2018.

Trong năm 2018, quỹ VF4 tập trung phân bổ vào ngành Ngân Hàng (28% NAV), Bất Động Sản (9% NAV), Thực Phẩm, Nourish & Thuốc Lá (9% NAV), Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng (8% NAV) và Bán Lê (7% NAV). Những công ty trong ngành này đều có mức tăng trưởng lợi nhuận cao trong năm, nhưng giá cổ phiếu chưa phản ánh được tiềm năng của doanh nghiệp trong thời gian qua. Một số cổ phiếu chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục và có mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế cao như CTCP Đầu tư Thế giới di động (+34,8%), CTCP FPT (+30,0%) nhưng giá cổ phiếu không tăng trưởng tương ứng khiến danh mục của quỹ giảm điểm. Ngoài ra, quỹ VF4 còn chủ động điều chỉnh tỷ trọng tiền mặt và cổ phiếu vào nửa cuối năm nhằm hạn chế tác động của thị trường lên danh mục. Tại thời điểm cuối năm 2018, VF4 nắm 10,7% tiền mặt. Quỹ sẽ tận dụng điều kiện thị trường thuận lợi để giải ngân lượng tiền mặt hiện tại nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động trong năm 2019.

Ngành Ngân Hàng là ngành chủ chốt trong danh mục VF4, với tỷ trọng 23,3% tại cuối năm 2018. Đây cũng là ngành khiến danh mục VF4 giảm nhiều nhất trong năm khi đóng góp 4,5% vào mức giảm chung của danh mục. Tuy nhiên, nếu đánh giá dưới góc độ phân tích cơ bản trong trung và dài hạn thì nhóm cổ phiếu ngân hàng đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh do đã tái cơ cấu và xử lý xong nợ xấu tồn đọng của giai đoạn trước. Ngành ngân hàng đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mới và có sự phân hóa rõ nét khi các ngân hàng hoàn thành trích lập dự phòng và tăng vốn thành công trong năm 2018 sẽ tiếp tục nhận ‘room’ tín dụng từ Ngân hàng Nhà nước cao hơn trung bình ngành, do đó có thể đẩy mạnh cạnh tranh cho vay và giành lấy thị phần. Trong khi các ngân hàng nhỏ, thiếu thanh khoản và bị giới hạn về các quy định liên quan an toàn vốn sẽ phải tiếp tục tái cơ cấu, hạn chế khả năng mở rộng và phát triển trong giai đoạn 2019-2020. Các ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục VF4

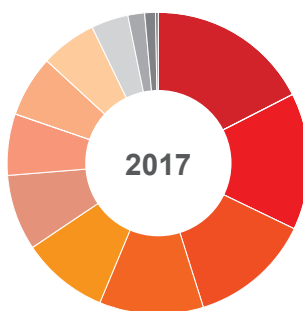
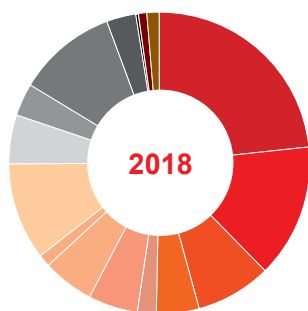
đều đã tăng vốn thành công, đạt mức tăng trưởng đột phá trong năm 2018 và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì sự tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2019. Cụ thể, đầu năm 2019, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố đã hoàn thành việc bán cổ phần cho 2 nhà đầu tư tổ chức là Mizuho và GIC với giá trị xấp xỉ 270 triệu USD. Vietcombank dự kiến sẽ tiếp tục bán vốn phần còn lại trong năm 2019 nhằm bổ sung nguồn vốn cho việc tăng trưởng trong giai đoạn mới. Năm 2018, Vietcombank công bố mức lợi nhuận trước thuế là 18.300 tỷ đồng, tăng trưởng 61,4% so với cùng kỳ.

Ngành Tiêu dùng, Bán lẻ và Thực phẩm nằm trong số ít những ngành ổn định, chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục VF4 và là ngành đóng góp mức giảm chung nhiều thứ hai, tương ứng 2,7% đối với danh mục. Ngành Tiêu dùng, Bán lẻ và Thực phẩm tuy có giảm trong năm 2018 nhưng vẫn được hỗ trợ bởi các yếu tố vĩ mô ổn định trong dài hạn. Theo Tổng cục thống kê, ngành bán lẻ trong năm 2018 tiếp tục duy trì mức tăng trưởng thực là 9%, cao hơn mức tăng trưởng GDP. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng, đủ hấp dẫn đối với các doanh nghiệp FDI và trong nước đẩy mạnh đầu tư nhằm chiếm thị phần khi tầng lớp trung lưu Việt Nam đang tăng lên nhanh chóng. CTCP Đầu tư Thế giới di động là ngoài việc cung cấp các sản phẩm truyền thống như điện thoại và hàng điện tử cũng đã lấn sân sang cung cấp thực phẩm và hàng tươi sống. Công ty đã đầu tư vào chuỗi thực phẩm Bách Hóa Xanh gần 2 năm nay và liên tục gặt hái kết quả ấn tượng đối với ngành hàng này. Doanh thu trung bình một cửa hàng từ lúc mới bắt đầu khoảng 400 triệu/tháng, hiện đã tăng lên gấp 3 lần khoảng 1,2 tỷ/tháng/cửa hàng. Bách Hoa Xanh hiện đang tiến gần đến mức hòa vốn trong năm 2019 và dự kiến cho lợi nhuận vào năm 2020. Việc triển khai thành công mảng kinh doanh Bách Hóa Xanh là tín hiệu tích cực đối với Tập đoàn, giúp công ty duy trì tốc độ tăng trưởng 20-30%/năm trong thời gian tới. Riêng năm 2018, CTCP Đầu tư Thế giới di động đạt mức lợi nhuận trước thuế là 3.786 tỷ đồng, tăng trưởng 34,8% so với cùng kỳ.

Ngành Bất động sản là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất đối với thị trường và có tác động chi phối đến hoạt động của các ngành liên quan như Ngân hàng, Chứng khoán và Vật Liệu Xây Dựng. Đây là ngành đóng góp tăng trưởng dương cho danh mục VF4 khi trong năm 2018 thị trường đón nhận việc niêm yết của CTCP Vinhomes, một công ty con trong Tập đoàn Vingroup chuyên về thiết kế, xây dựng và phát triển các dự án bất động sản tại Việt Nam. Vinhomes là đơn vị tiên phong và dẫn đầu trong ngành phát triển BĐS với các dự án cao cấp. Một số dự án tiêu biểu bao gồm Vinhomes Golden River, Landmark 81, etc. Hiện nay công ty đang mở rộng phân khúc nhà tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu thực của phần lớn người dân dưới thương hiệu Vincity. Trong năm 2018, công ty Vinhomes ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế 19.609 tỷ đồng, đứng nhất toàn thị trường.

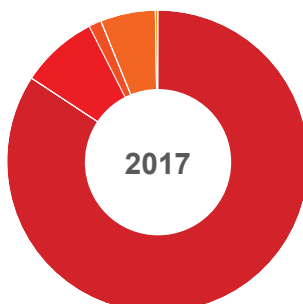
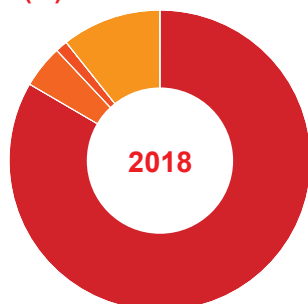
Phân bổ tài sản

Theo ngành (%)



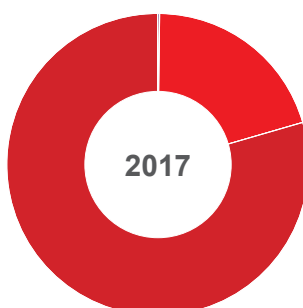
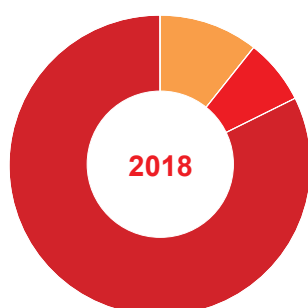
2018	2017	
23,3	17,5	Ngân Hàng
14,4	14,7	Bán Lẻ
8,1	13,0	Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá
4,6	11,1	Vận Tải
2,0	9,3	Hàng Hóa Công Nghiệp
5,3	8,1	Vật Liệu
5,5	6,6	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng
1,3	6,6	Dược Phẩm & Công Nghệ Sinh Học
10,4	6,0	Bất Động Sản
5,3	4,0	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ
0,0	1,8	Ô-tô & Phụ Tùng Ô-tô
3,5	1,2	Dịch Vụ Tài Chính
10,7	0,2	Tiền
3,1	0,0	Tiện Ích Công Cộng
0,3	0,0	Bảo Hiểm
0,9	0,0	Dịch Vụ Tiêu Dùng
1,3	0,0	Năng Lượng

Theo sàn (%)



2018	2017	
83,0	84,0	HOSE
5,0	8,0	HNX
1,0	2,0	UPCOM
0,0	6,0	OTC
11,0	0,0	Tiền

Theo vốn hóa (%)



2018	2017	
11,0	0,0	Tiền mặt
7,0	20,0	Cổ phiếu vốn hóa vừa
82,0	80,0	Cổ phiếu vốn hóa lớn

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUỸ VF4 NĂM 2018

Tăng trưởng và đóng góp vào lợi nhuận (%)

Ngành	Tỷ trọng trong danh mục tại 31/12/2018 (%NAV)	Tỷ trọng trong VN-Index tại 31/12/2017 (%)	Tăng trưởng trong danh mục (%)	Tăng trưởng trong VN-Index (%)	Tỷ trọng đóng góp vào lợi nhuận (%)	Đóng góp vào tăng trưởng (%)
Ngân Hàng	23.3	22.6	(7.6)	(7.6)	-43.5	-4.5
Bán Lẻ	14.4	1.6	(4.6)	(13.6)	-3.1	-0.8
Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá	8.1	19.6	(26.0)	(12.4)	-18.2	-2.7
Vận Tải	4.6	3.9	(14.5)	(4.7)	-6.1	-0.3
Hàng Hóa Công Nghiệp	2.0	3.9	(28.0)	(44.4)	-5.4	-1.1
Vật Liệu	5.3	4.3	(21.0)	(15.4)	-7.6	-1.1
Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	5.5	0.9	7.5	(1.5)	0.1	0.8
Dược Phẩm & Công Nghệ Sinh Học	1.3	1.0	(22.2)	(26.3)	-3.0	-0.7
Bất Động Sản	10.4	26.3	5.5	16.7	-0.8	0.3
Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	5.3	0.9	(10.7)	(10.1)	-2.7	-0.3
Dịch Vụ Tài Chính	3.5	1.4	(16.1)	(12.0)	-4.7	-0.8
Tiền	10.7	0.0	3.3	-	1.2	0.3
Tiện Ích Công Cộng	3.1	7.3	(13.1)	(5.5)	-4.3	-0.5
Bảo Hiểm	0.3	2.4	(5.1)	26.1	-0.1	0.0
Dịch Vụ Tiêu Dùng	0.9	0.2	32.4	20.4	0.2	0.4
Năng Lượng	1.3	2.8	(18.7)	(25.8)	-2.2	-0.2

Lợi nhuận ròng

(tỷ đồng)	2018	2017
Chênh lệch giá cổ phiếu thực hiện	(19.6)	93.2
Chênh lệch giá cổ phiếu chưa thực hiện	(232.1)	76.1
Cổ tức	15.58	8.3
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(236.1)	177.6
Lãi ngân hàng	4.91	0.5
Chi phí	(29.9)	(11.1)
Lợi nhuận (lỗ) ròng	(261.1)	167.0

Thị trường năm 2019 kỳ vọng sẽ hồi phục lại mức đóng cửa trên 1.000 điểm vào cuối năm khi đã giảm tương đối trong năm 2018. Các yếu tố kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định làm nền tảng để các công ty mở rộng sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp FDI tiếp tục duy trì mở rộng và chuyển hướng đầu tư từ Trung Quốc về Việt Nam để tránh leo thang thương mại sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực cho nền kinh tế.

Dòng tiền đầu tư gián tiếp vào Việt Nam dự kiến sẽ tích cực duy trì ở mức lạc quan khi thị trường Việt Nam đang kỳ vọng lọt vào danh sách các thị trường mới nổi của FTSE và MSCI. Ngay từ những ngày đầu năm 2019, Chính phủ và UBCKNN đã có những chương trình thúc đẩy việc nâng hạng này thông qua các chính sách như Luật Chứng khoán sửa đổi dự kiến thông qua vào giữa năm 2019, bổ sung các sản phẩm tài chính đa dạng và đẩy mạnh việc niêm yết các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa. Những động thái quyết liệt gần đây của Chính phủ Việt Nam đã tạo được sự tin tưởng và đón nhận tích cực từ các nhà đầu tư tổ chức uy tín và chuyên nghiệp trên thế giới, kéo theo dòng tiền lớn và dài hạn vào thị trường.

Dự kiến trong năm 2019, quỹ sẽ tập trung phân bổ vào những ngành có mức tăng trưởng ổn định trong thời gian dài như Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá và Hàng Tiêu Dùng. Bên cạnh đó, quỹ cũng sẽ cân nhắc phân bổ thêm vào ngành Bất động sản nếu xuất hiện cơ hội mới. Các ngành Thực phẩm và Tiêu dùng tuy có kết quả không khả quan trong năm 2018, nhưng với định hướng đầu tư dài hạn và niềm tin với những ngành, cổ phiếu được hỗ trợ bởi các yếu tố cơ bản bền vững, quỹ VF4 tin rằng những cổ phiếu trong danh mục sẽ mang lại giá trị lợi nhuận cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Với những cổ phiếu đã đạt mục tiêu, quỹ sẽ hiện thực hoá lợi nhuận để tái phân bổ cho những cơ hội mới. Quỹ VF4 tiếp tục duy trì lượng tiền mặt hợp lý trong điều kiện thị trường đang có nhiều biến động.

DANH MỤC ĐẦU TƯ ĐIỂN HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG - MWG

VỊ THẾ CÔNG TY

- Công ty Cổ phần đầu tư Thế Giới Di Động vận hành ba chuỗi bán lẻ là thegioiidong, Điện Máy Xanh, và Bách Hóa Xanh, với thị phần mặt hàng điện thoại và điện máy vào cuối năm 2018 lần lượt là 45% và 35%. Chuỗi minimart Bách Hóa Xanh đã đạt mục tiêu hòa vốn EBITDA tại cửa hàng vào tháng 12/2018 và được kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng chính của công ty từ năm 2020 trở đi.
- Ngoài ra công ty còn có hệ thống bán hàng online mạnh nhất Việt Nam, vượt qua các website của Rocket Internet đứng đầu về giá trị thương mại online trong năm 2018 với hơn 50% thị phần online.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Năm 2019, hoạt động bán lẻ sản phẩm điện thoại, điện máy vẫn là nguồn đóng góp doanh thu và lợi nhuận chủ yếu cho MWG. Trong đó, ngành hàng điện máy đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của MWG, hướng đến mục tiêu chiếm khoảng 40% thị phần. Ngành hàng điện thoại tiếp tục duy trì thị phần dẫn đầu và mức tăng trưởng tích cực so với thị trường.
- Năm 2019 cũng là năm xây dựng nền móng quan trọng nhằm đảm bảo cho chuỗi BHX sẵn sàng để nhân rộng mạnh mẽ trên toàn quốc. Dù đóng góp giá trị trong tổng doanh thu của MWG chưa lớn, ngành hàng thực phẩm và hàng tiêu dùng được kỳ vọng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong thời gian đến.

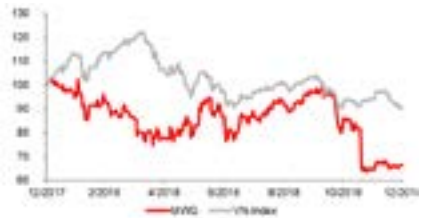
KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Kết thúc năm 2018, doanh thu đạt 86,516 tỷ, LNST đạt 2,880 tỷ, tăng trưởng lần lượt là 30% và 31% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Tính đến cuối năm 2018 thì MWG có 2,187 cửa hàng đang phục vụ khách hàng, trong đó chuỗi thegioiidong có 1,032 cửa hàng, chuỗi Điện Máy XANH có 750 cửa hàng, và 405 cửa hàng Bách Hóa Xanh.
- Mục tiêu cần đạt được trễ nhất cuối tháng 12/2019 là Bách Hóa Xanh bắt đầu có lợi nhuận trực tiếp, tức là bù đắp hoàn toàn được tất cả các chi phí hoạt động tại cửa hàng và các trung tâm phân phối, nhưng chưa bao gồm các chi phí ở cấp độ công ty.
- Chúng tôi dự phóng cả năm 2019, công ty sẽ ghi nhận mức tăng trưởng khoảng 25% về doanh thu và lợi nhuận, chủ yếu đến từ việc tiếp tục mở thêm cửa hàng Bách Hóa Xanh, và giành thêm thị phần từ các cửa hàng nhỏ lẻ trong bối cảnh thị trường chung của ngành điện máy vẫn còn tăng trưởng cao.

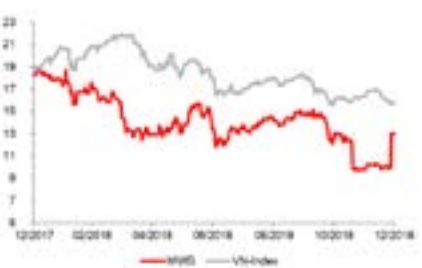
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	87,000
Tăng Trưởng Giá (%)	(10.2)
Tăng Trưởng So Với Index (%)	(0.9)
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	37,444.6
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	430.5
Sở Hữu Nhà Nước (%)	0.0
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	0.0
Tỷ Trọng Index (%)	1.3
Tỷ Trọng VN30 (%)	4.6
P/E (x)	13.4
P/B (x)	4.6
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	2.3

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Doanh Thu Thuần (Tỷ VND)	44,613	66,340	86,516	107,856
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	77%	49%	30%	25%
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	1,578	2,207	2,880	3,601
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	47%	40%	31%	25%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Gộp (%)	16.2%	16.8%	17.7%	17.2%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Ròng (%)	3.5%	3.3%	3.3%	3.3%
ROE (%)	49.9%	45.2%	38.7%	34.6%
ROA (%)	14.3%	11.7%	11.3%	11.2%
EPS (VND)	10,246	6,959	6,495	7,882
Tăng Trưởng EPS (%)	40%	-32%	-7%	21%
Cổ Tức (VND)	1,500.0	1,500.0	1,500.0	2,000.0
Giá Trị Sổ Sách (VND)	24,937	18,632	20,255	25,897
P/E (x)	15.2	18.8	13.4	11.0
P/B (x)	6.3	7.0	4.3	3.4
Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu (x)	124.7%	115.0%	78.4%	87.4%
Khả Năng Thanh Toán (x)	1.1	1.2	1.3	1.3

CÔNG TY CP VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN - PNJ

VỊ THẾ CÔNG TY

- CTCP Vàng bạc Đá Quý Phú Nhuận (HSX: PNJ) là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trang sức vàng, bạc, đá quý, mua bán vàng miếng và đồng hồ. PNJ có 03 kênh bán hàng đó là bán lẻ, bán sỉ và xuất khẩu. Trong đó, mảng bán lẻ vàng qua hệ thống cửa hàng đóng vai trò quan trọng nhất, chiếm đến khoảng 54% tổng doanh thu và 85% lợi nhuận gộp của PNJ (2018). Đồng thời, đây cũng là kênh phân phối đem lại cho PNJ biên lợi nhuận cao nhất, khoảng 30% so với các mảng còn lại là bán sỉ và xuất khẩu.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, quy mô nền kinh tế năm 2018 theo giá hiện hành đạt 5,55 triệu tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người ước 60,3 triệu đồng một năm, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Với thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam ngày càng được cải thiện, nhu cầu về các sản phẩm trang sức vàng cũng tăng lên trong bối cảnh mức độ tiêu thụ vàng nữ trang ở Việt Nam còn thấp hơn nhiều so với bình quân của thế giới và một số quốc gia trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc, Ấn Độ,...
- Thị phần hiện tại của thị trường bán lẻ vàng ở Việt Nam chủ yếu tập trung ở các tiệm vàng trong khi đó xu hướng sử dụng hàng chất lượng cao, có thương hiệu gia tăng cùng với thu nhập bình quân đầu người tăng có tác động tích cực tới nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng nữ trang. Theo nghiên cứu thị trường của Nielsen, người tiêu dùng Việt Nam hiện nay có (1) nhu cầu mua sắm cho bản thân cao hơn và (2) ưa thích các sản phẩm chất lượng cao, tiện lợi.

KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Đến cuối năm 2018, toàn hệ thống PNJ có 324 cửa hàng, trong đó số lượng cửa hàng vàng là 256. Doanh thu 2018 tăng trưởng 33% và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính tăng trưởng 32% so với năm ngoái, nhờ vào tăng trưởng doanh thu trung bình mỗi cửa hàng lên đến 20% bên cạnh việc mở thêm 54 cửa hàng mới.
- Trong 2019, dự kiến sẽ mở mới 40 cửa hàng. Chúng tôi dự phóng cả năm 2019, công ty sẽ ghi nhận mức tăng trưởng khoảng 25% về doanh thu và 26% về lợi nhuận, chủ yếu đến từ việc tiếp tục mở thêm cửa hàng, và giành thêm thị phần từ các cửa hàng nhỏ lẻ, trong bối cảnh thị trường chung của cả ngành vẫn còn tiềm năng tăng trưởng cao. Động lực tăng trưởng chính của PNJ vẫn là mảng bán lẻ trang sức vàng.

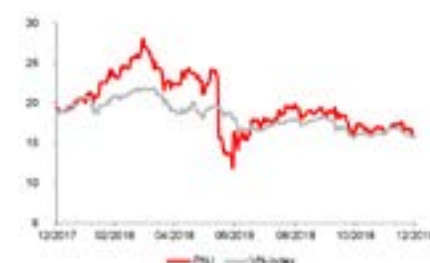
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	93,200
Tăng Trưởng Giá Từ đầu Năm(%)	4.1
Tăng Trưởng So Với Index (%)	13.5
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	15,564.6
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	162.1
Sở Hữu Nhà Nước (%)	0.0
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	0.0
Tỷ Trọng Index (%)	0.5
Tỷ Trọng VN30 (%)	2.5
P/E (x)	17.2
P/B (x)	4.5
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	2.1

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Doanh Thu Thuần (Tỷ VND)	8,565	10,977	14,573	18,186
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	11.1%	28.2%	32.8%	24.8%
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	450	726	960	1,212
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	195.5%	61.2%	32.3%	26.2%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Gộp (%)	16.5%	17.4%	19.1%	19.5%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Ròng (%)	5.3%	6.6%	6.6%	6.7%
ROE (%)	31.1%	32.6%	28.7%	28.4%
ROA (%)	13.7%	18.0%	17.8%	17.2%
EPS (VND)	3,998	5,708	4,889	6,172
Tăng Trưởng EPS (%)	186.6%	42.8%	-14.3%	26.2%
Cổ Tức (VND)	1,800	2,000	2,000	2,000
Giá Trị Sổ Sách (VND)	15,269	27,292	22,427	28,599
P/E (x)	16.2	24.0	19.1	16.2
P/B (x)	4.3	5.0	4.2	3.5
Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu (x)	1.0	0.3	0.4	0.4
Khả Năng Thanh Toán (x)	1.5	2.6	2.1	2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT - HPG

VỊ THẾ CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát là doanh nghiệp tư nhân sản xuất các sản phẩm thép xây dựng và ống thép lớn nhất Việt Nam, với thị phần vào cuối năm 2018 lần lượt khoảng 24% và 26%. HPG là doanh nghiệp sản xuất thép nội địa sở hữu công nghệ lò cao BOF hiện đại với công suất 2 triệu tấn/năm. Ngoài ra công ty còn hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp, bất động sản, nông nghiệp.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Sản xuất thép: Hiện tại HPG đang tập chung xây dựng Tổ hợp sản xuất gang thép Dung Quất, Quảng Ngãi với công suất dự kiến hơn 4 triệu tấn với tổng chi phí vốn đầu tư khoảng hơn 40,000 tỷ đồng. Giai đoạn 1: công suất 2 triệu tấn thép xây dựng. Giai đoạn 2: công suất hơn 2 triệu tấn thép cuộn cán nóng phục vụ cho thị trường trong nội địa (chủ yếu ở miền Trung và Nam) và xuất khẩu.
- Mức tăng trưởng chung của thị trường thép nội địa dự kiến ở mức 10%. Trong đó, HPG đặt kỳ vọng tăng trưởng sản lượng xây dựng khoảng 40% và thị phần khoảng 30%.
- Nông nghiệp: đây là một lĩnh vực mới với HPG, tuy nhiên doanh nghiệp đang dần chứng tỏ năng lực cạnh tranh với các đối thủ hàng đầu như C.P., Masan, Dabaco. Trong 2019, HPG sẽ tập chung phát triển mảng thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi bò, heo, gà. Trong tương lai lợi nhuận của mảng nông nghiệp sẽ đóng góp 10% tổng lợi nhuận của tập đoàn.

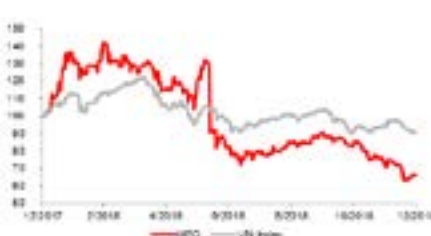
KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Kết thúc năm 2018, doanh thu đạt 55,836 tỷ, LNST đạt 8,601 tỷ, tăng trưởng lần lượt là 21% và 7.3% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Dự kiến, giai đoạn 1 của nhà máy Dung Quất sẽ hoạt động vào cuối Q2/2019. Tổng sản lượng thép tiêu thụ dự kiến đạt 3.3 – 3.5 triệu tấn.
- Chúng tôi dự phòng cả năm 2019, công ty sẽ ghi nhận mức tăng trưởng khoảng 37% về doanh thu và 5% về lợi nhuận, trong bối cảnh sản lượng tiêu thụ tăng trong khi giá bán giảm do HPG tập chung cạnh tranh về giá để chiếm thị phần.

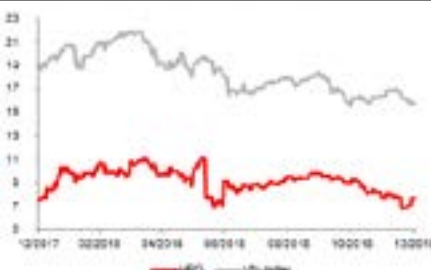
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	30,950
Tăng Trưởng Giá Từ đầu Năm(%)	(34.0)
Tăng Trưởng So Với Index (%)	(25.0)
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	61,900
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	2,123.9
Sở Hữu Nhà Nước (%)	0.0
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	9.88
Tỷ Trọng Index (%)	1.3
Tỷ Trọng VN30 (%)	4.6
P/E (x)	7.0
P/B (x)	1.5
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	-

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Doanh Thu Thuần (Tỷ VND)	33,283	46,161	55,836	76,301
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	21.2%	38.7%	21%	36.7%
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	6,606	8,015	8,601	9,023
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	23.7%	21.3%	7.3%	4.9%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Gộp (%)	26.3%	23%	20.9%	17.4%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Ròng (%)	19.8%	17.4%	15.4%	11.8%
ROE (%)	38.5%	30.7%	24%	19.7%
ROA (%)	22.5%	18.6%	14%	10.6%
EPS (VND)	7,833	5,278	4,159	4,248
Tăng Trưởng EPS (%)	64%	-33%	-21%	2%
Cổ Tức (VND)	-	-	-	-
Giá Trị Sổ Sách (VND)	23,551	21,355	19,423	23,678
P/E (x)	4.8	7.1	7.0	6.8
P/B (x)	1.5	1.7	1.5	1.2
Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu (x)	0.3	0.4	0.6	0.7
Khả Năng Thanh Toán (x)	1.5	1.8	1.4	1.1

VỊ THẾ CÔNG TY

- Công Ty Cổ phần FPT (FPT) là tập đoàn đa ngành, tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực phát triển phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và bán lẻ thiết bị công nghệ.
- Tại Việt Nam, FPT được biết đến là công ty có nguồn nhân lực công nghệ thông tin hàng đầu, giữ vị trí số một Việt Nam trong hoạt động gia công phần mềm cho nước ngoài, tích hợp hệ thống.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Năm 2019, FPT lên kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận sau thuế 16%, trong đó mảng phát triển phần mềm tăng 27% và mảng viễn thông tăng 14%
- Trong nửa cuối 2018, quỹ viễn thông công ích đã được gỡ bỏ hỗ trợ 1 phần cho việc tăng trưởng của FPT. Trong 2019, FPT sẽ được hưởng lợi cả năm cho việc giảm thuế này và sẽ hỗ trợ một phần cho sự tăng trưởng của mảng này. Ngoài ra, FPT cũng đang phát triển mảng viễn thông ra các thành phố nhóm 2 ước tính có thể tăng trưởng 7-10%/năm.

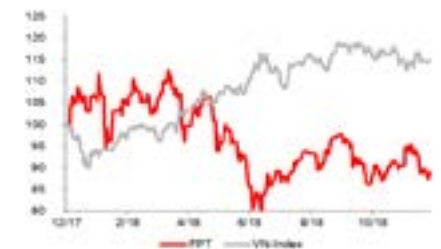
KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Trong 2018, FPT giảm 46% Doanh thu và giảm 11% lợi nhuận sau thuế vì FPT đã không còn hợp nhất mảng bán lẻ và phân phối. Tuy nhiên, khi so sánh tương đương, FPT tăng trưởng doanh thu 19% và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 30%. Kết quả kinh doanh ấn tượng này đạt được nhờ sự đóng góp của mảng phần mềm 27%, mảng viễn thông 26% và Giáo dục—đầu tư 101%.
- Mảng phần mềm tiếp tục là động lực tăng trưởng chính cho FPT với nhu cầu chuyển đổi số ngày càng cao ở Nhật. Nhu cầu này được hỗ trợ rất nhiều khi người Nhật đang thực hiện những bước chuẩn bị cuối cùng cho thể vận hội Olympic 2020. Ngoài ra, việc FPT mua lại Intellinet cũng sẽ đóng góp vào sự tăng trưởng của họ ở thị trường Mỹ. Trong năm 2019, Doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 29,218 tỷ tăng 26% và 3,265 tỷ tăng 25%.

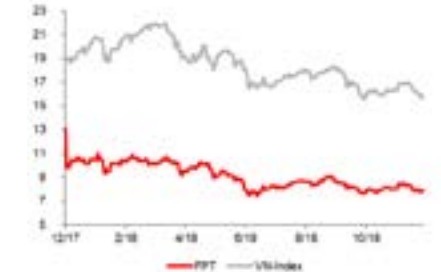
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	46,100
Tăng Trưởng Giá Từ đầu Năm(%)	-11%
Tăng Trưởng So Với Index (%)	-2%
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	28,284.9
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	613.6
Sở Hữu Nhà Nước (%)	6%
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	0%
Tỷ Trọng Index (%)	1%
Tỷ Trọng VN30 (%)	3%
P/E (x)	9.33
P/B (x)	1.05
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	5%

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Doanh Thu Thuần (Tỷ VND)	39,531.5	42,658.6	23,213.5	29,218.1
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	4.1%	7.9%	-45.6%	25.9%
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	1,991	2,932	2,620	3,265
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	3.1%	47.3%	-10.6%	24.6%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Gộp (%)	21.3%	22.7%	37.6%	40.7%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Ròng (%)	5.0%	6.9%	11.3%	11.2%
ROE (%)	18.4%	23.8%	18.7%	22.0%
ROA (%)	7.1%	10.7%	10.5%	13.2%
EPS (VND)	3,925	5,129	3,903	4,788
Tăng Trưởng EPS (%)	-11%	31%	-24%	23%
Cổ Tức (VND)	2,500	2,500	2,000	2,000
Giá Trị Sổ Sách (VND)	24,918	24,926	27,955	27,955
P/E (x)	9.48	9.67	9.33	9.6
P/B (x)	0.48	0.66	1.05	1.65
Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu (x)	1.6	0.9	1.0	1.0
Khả Năng Thanh Toán (x)	1.3	1.5	1.2	1.2

NHTMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM (TECHCOMBANK- TCB)

VỊ THẾ CÔNG TY

- Nhân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) được thành lập vào năm 1993. Ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực huy động và kinh doanh vốn, và cung cấp các dịch vụ tài chính liên quan. Techcombank trở thành công ty đại chúng từ năm 2007. Tính đến ngày 31/03/2018, Techcombank sở hữu mạng lưới phân phối lớn thứ ba trong khối ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam. Trong năm 2017, tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân tăng mạnh và đạt 27,7% - cao nhất trong số các ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam. Techcombank được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ Quý II - năm 2018.
- Theo công bố của tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's Investors Service vào ngày 04/04/2018, Techcombank được Moody's đánh giá xếp hạng triển vọng ổn định, B1 ở hạng mục xếp hạng năng lực độc lập, B1 ở hạng mục tiền gửi và B1 ở hạng mục đơn vị phát hành dài hạn. Theo đó, mức xếp hạng tín nhiệm này của Techcombank là cao nhất trong 16 ngân hàng được Moody's xếp hạng tại Việt Nam, và ngang bằng với mức trần xếp hạng quốc gia của Việt Nam.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Techcombank đã xây dựng và phát triển các kênh phân phối mới, đặc biệt là ngân hàng điện tử (digital banking), tối ưu hóa mô hình bán hàng để nâng cao hiệu quả bán hàng cho khách hàng trong hệ sinh thái và tăng cường bán chéo, bán thêm cho khách hàng;
- Triển vọng của hệ thống ngân hàng năm tiếp tục khả quan trong thời gian tới, Chính sách tiền tệ tiếp tục đi theo hướng ổn định vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng nhưng sẽ thận trọng với tỉ lệ tăng trưởng tín dụng ở mức 14-15%/ năm trong các năm tới
- Sự phát triển của ngành ngân hàng được hỗ trợ bởi các chỉ số kinh tế vĩ mô tích cực tại Việt Nam, với dân số trẻ chuyển dịch dần từ hoạt động nông nghiệp sang làm việc tại các ngành sản xuất và dịch vụ, tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, tăng trưởng tầng lớp trung lưu, thu nhập và chi tiêu tăng nhanh và thu nhập khả dụng cũng có xu hướng đi lên. Số lượng người có tài khoản ngân hàng cũng tăng lên nhanh chóng, tương tự số lượng thẻ ngân hàng do các ngân hàng phát hành và số lượng giao dịch phi tiền mặt thông qua ATM và POS cũng tăng cao.

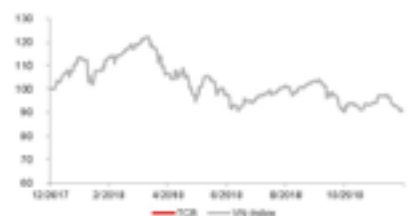
KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Trong năm 2018, TCB tăng trưởng tín dụng 20% khi huy động tăng trưởng 14% so với năm trước. TCB có cơ cấu thu nhập rất tốt, đa dạng với thu nhập lãi thuần đóng góp 61%, thu nhập từ phí dịch vụ chiếm 19% và thu nhập khác chiếm 20%. Trong năm 2018, thu nhập lãi thuần tăng trưởng 25% , lãi từ dịch vụ -7% và hoạt động khác +2% so với năm trước. Chi phí trích lập dự phòng của TCB giảm mạnh 49% so với năm trước do TCB được hoàn nhập dự phòng cho khoản phải thu từ các hợp đồng bán nợ. Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 33% y/y.
- Trong năm 2019, dự kiến TCB sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế 12% so với năm trước, nhờ tăng trưởng tín dụng và huy động cùng ở mức 17% trong cả năm 2018, tỷ suất thu nhập lãi dự kiến ở mức 4.01%, giảm nhẹ 4 điểm cơ bản so với 2018.

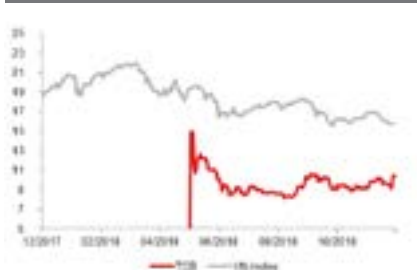
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	25,850
Tăng Trưởng Giá (%)	-
Tăng Trưởng So Với Index (%)	-
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	90,387
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	3,497
Sở Hữu Nhà Nước (%)	0.0
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	0.0
Tỷ Trọng Index (%)	3.1
Tỷ Trọng VN30 (%)	-
P/E (x)	11.4
P/B (x)	1.9
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	-

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Doanh Thu Thuần (Tỷ VND)	8,142	8,930	11,127	12,842
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	13	10	25	15
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	3,149	6,446	8,474	9,504
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	106	105	31	12
Tỷ Suất Lợi Nhuận Gộp (%)	27.13	12.78	20.00	17.00
Tỷ Suất Lợi Nhuận Ròng (%)	22.27	2.58	13.81	15.96
ROE (%)	82.22	94.08	79.39	79.39
ROA (%)	13.12	12.68	-	-
EPS (VND)	1.6	1.6	1.8	1.8
Tăng Trưởng EPS (%)	4.1	4.1	4.1	4.0
Cổ Tức (VND)	17.47	27.71	21.53	16.81
Giá Trị Sổ Sách (VND)	1.47	2.55	2.87	2.75
P/E (x)	3,547	5,530	2,424	2,718
P/B (x)	106	56	(56)	12
Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu (x)				
Khả Năng Thanh Toán (x)	22,062	23,106	14,809	17,528

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU - ACB

VỊ THẾ CÔNG TY

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) là một trong những ngân hàng thương mại tư nhân đầu tiên được thành lập vào đầu những năm 1990. Với hơn 20 năm hoạt động, ACB đã trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam với gần 360 chi nhánh và phòng giao dịch tính hoạt động tại 47 tỉnh thành trên cả nước.
- Miền Nam là thị trường hoạt động chính của Ngân hàng với mức đóng góp 67% vào lợi nhuận, tiếp theo là miền Bắc với đóng góp 20% và miền Trung chiếm phần còn lại 13%.
- Ngân hàng tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro nội bộ, tuân thủ đầy đủ các quy định của ngân hàng nhà nước đồng thời áp dụng hệ thống quản trị ngân hàng theo chuẩn quốc tế. Chiến lược của ACB về dài hạn sẽ củng cố tình hình tài chính lành mạnh với thanh khoản dồi dào và hệ số an toàn vốn duy trì ở mức cao.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Tới năm 2020 theo yêu cầu của Chính phủ: tỷ lệ tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán là 15%, số lượng tài khoản cá nhân đạt 45 triệu, hơn 90% người lao động lĩnh lương qua tài khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp được thực hiện qua ngân hàng. Thêm nữa, quy mô dân số lớn và mức độ tiếp cận với dịch vụ ngân hàng còn thấp so với thế giới sẽ là những khoảng trống tiềm năng cho sự phát triển của ngành ngân hàng nói chung và của ACB nói riêng.
- Nhà nước hiện đã bắt đầu có những động thái tái cấu trúc hệ thống thông qua các hoạt động M&A, các phương án xử lý nợ xấu và khơi thông dòng vốn. Đây là những chính sách tích cực giúp tháo gỡ những vấn đề mà hệ thống ngân hàng đang vướng phải, tạo tiền đề để phát triển bền vững. Tăng trưởng dư nợ tín dụng ngân hàng ở mức 13-15% trong các năm tiếp theo, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng.

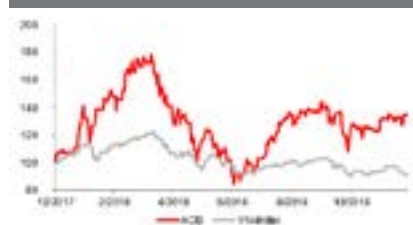
KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Trong năm 2018, ACB tăng trưởng cho vay 16% khi huy động tăng trưởng 12% so với năm trước. ACB có cơ cấu thu nhập tương đối tốt, đa dạng với thu nhập lãi thuần đóng góp 74%, thu nhập từ phí dịch vụ chiếm 11% và thu nhập khác chiếm 15%. Trong 2018, các mảng hoạt động của ACB tăng trưởng đều với thu nhập lãi thuần +23% so với năm trước, lãi từ dịch vụ +26% so với năm trước và hoạt động khác +21% so với năm trước. Mặt khác, trích lập dự phòng của ACB giảm mạnh 63% so với năm trước. Tăng trưởng thu nhập tốt cùng với giảm dự phòng trích lập là nguyên nhân chính giúp lợi nhuận trước thuế tăng trưởng mạnh mẽ +143%.
- Trong năm 2019, dự kiến ACB sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định với lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ tăng trưởng 14% so với năm trước, trong đó thu nhập lãi thuần +16%, dịch vụ +25% và thu nhập khác -2% so với năm trước. Để đạt được kế hoạch trên, ACB sẽ đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng khách hàng cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn giá thấp; cải thiện thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ.

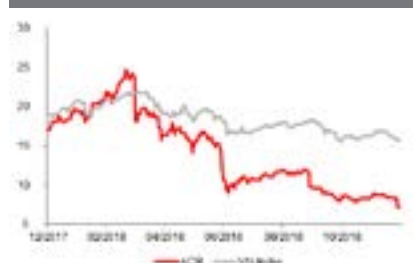
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	29,600
Tăng Trưởng Giá (%)	1.4
Tăng Trưởng So Với Index (%)	10.6
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	33,330
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	1,126
Sở Hữu Nhà Nước (%)	-
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	-
Tỷ Trọng Index (%)	-
Tỷ Trọng VN30 (%)	-
P/E (x)	7.6
P/B (x)	1.8
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	-

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Thu Nhập Lãi Thuần (Tỷ VND)	6,892	8,458	10,363	11,987
Tăng Trưởng Thu Nhập Lãi (%)	17	23	23	16
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	1,325	2,118	5,137	5,853
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	(16)	60	143	14
Tăng Trưởng Tín Dụng (%)	20.73	21.49	16.13	15.06
Tăng Trưởng Huy Động (%)	20.04	16.14	12.14	14.61
Cho Vay/Huy Động (x)	78.92	82.24	85.38	85.38
Hệ Số An Toàn Vốn (%)	13.19	11.49	-	15.85
Tỷ Lệ Nợ Xấu (%)	0.9	0.7	0.7	0.7
Tỷ Suất Thu Nhập Lãi (%)	3.4	3.4	3.6	3.6
ROE (%)	9.87	14.08	27.73	24.45
ROA (%)	0.61	0.82	1.67	1.65
EPS (VND)	1,478	2,148	4,119	4,693
Tăng Trưởng EPS (%)	(16)	45	92	14
Cổ Tức (VND)	-	138	90	-
Giá Trị Sổ Sách (VND)	15,690	16,260	16,852	21,545

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VIETCOMBANK-VCB)

VỊ THẾ CÔNG TY

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) chính thức đi vào hoạt động năm 1963. Là ngân hàng thương mại nhà nước đầu tiên được Chính phủ lựa chọn thực hiện thí điểm cổ phần hoá, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chính thức hoạt động với tư cách là một Ngân hàng Thương mại Cổ phần vào năm 2008. Cổ phiếu của Vietcombank chính thức được niêm yết trên HOSE từ năm 2009.
- Vietcombank hiện có 101 Chi nhánh với 397 phòng giao dịch hoạt động tại 53/63 tỉnh thành phố trong cả nước. Vietcombank thiết lập và mở rộng mạng lưới 2.105 ngân hàng đại lý tại 131 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Tầm nhìn 2020: Trở thành Ngân hàng số tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực, một trong 300 Tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất. Đẩy mạnh tín dụng bán lẻ và huy động vốn giá rẻ; Đa dạng hóa danh mục và rút giảm dư nợ đối với doanh nghiệp hiệu quả thấp; Tăng cường bán tín dụng gắn với sử dụng các dịch vụ ngân hàng. Tập trung triển khai Ba trọng tâm, trụ cột trong hoạt động kinh doanh: Dịch vụ, Bán lẻ, Kinh doanh vốn và đầu tư.
- Triển vọng của hệ thống ngân hàng năm tiếp tục khả quan trong thời gian tới, Chính sách tiền tệ tiếp tục đi theo hướng ổn định vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng nhưng sẽ thận trọng với tỉ lệ tăng trưởng tín dụng ở mức 14-15%/ năm trong các năm tới
- Kinh tế Việt Nam trong đà tăng trưởng tích cực, Hoạt động xuất nhập khẩu dự báo vẫn khả quan, đầu tư FDI thuận lợi. Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế tiếp tục được đẩy mạnh. Ngành ngân hàng đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu, nâng cao chất lượng hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ, phù hợp với xu hướng phát triển tài chính hiện đại, đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng có kỳ vọng khởi sắc.

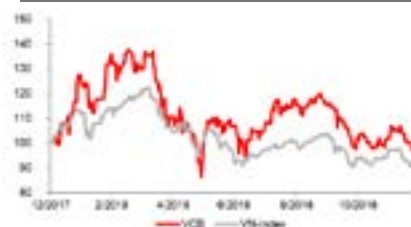
KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Trong năm 2018, VCB tăng trưởng cho vay 16% khi huy động tăng trưởng 13% so với năm trước. Với việc tăng trưởng huy động thấp hơn cho vay, VCB đã mở rộng tỷ lệ cho vay trên huy động thuần lên mức 79%, tăng so với cuối năm 2017 ở mức 77%. Tỷ suất lãi cận biên (NIM) của VCB bắt đầu cải thiện rõ rệt nhờ VCB thay đổi cấu trúc cho vay: tăng tỷ trọng cho vay cá nhân với kỳ hạn dài, do đó lãi suất cho vay bình quân tăng lên mức 7.03% trong năm 2018, cải thiện 30 điểm lãi suất cơ bản so với 2017. Trong năm 2018 các mảng hoạt động của VCB tăng trưởng đều với thu nhập lãi thuần+ 30% so với năm trước, lãi từ dịch vụ +34% so với năm trước và hoạt động khác +52% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế tăng mạnh 60% so với năm 2017.
- Trong năm 2019, dự kiến VCB sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế 27% so với năm trước, chủ yếu nhờ NIM tiếp tục cải thiện, thu nhập hoạt động tăng trưởng ổn định +19% và chi phí dự phòng giảm 17% so với năm trước.

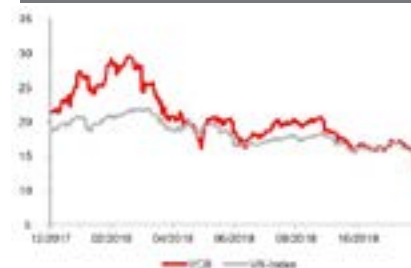
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	53,500
Tăng Trưởng Giá (%)	(0)
Tăng Trưởng So Với Index (%)	9
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	192,481
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	3,598
Sở Hữu Nhà Nước (%)	77.0
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	6.4
Tỷ Trọng Index (%)	6.7
Tỷ Trọng VN30 (%)	3.6
P/E (x)	25.8
P/B (x)	3.7
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	1.5

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Thu Nhập Lãi Thuần (Tỷ VND)	18,533	21,938	28,409	33,813
Tăng Trưởng Thu Nhập Lãi (%)	20	18	30	19
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	6,895	9,111	14,658	18,648
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	29	32	61	27
Tăng Trưởng Tín Dụng (%)	18.85	17.93	16.41	15.00
Tăng Trưởng Huy Động (%)	19.28	20.97	13.34	11.38
Cho Vay/Huy Động (x)	78.04	76.70	78.86	81.20
Hệ Số An Toàn Vốn (%)	11.13	11.63	10.70	13.56
Tỷ Lệ Nợ Xấu (%)	1.5	1.1	1.0	1.0
Tỷ Suất Thu Nhập Lãi (%)	2.7	2.6	2.9	3.1
ROE (%)	14.78	18.09	25.18	23.03
ROA (%)	0.94	1.00	1.39	1.65
EPS (VND)	1,916	2,532	4,074	4,712
Tăng Trưởng EPS (%)	(4)	32	61	16
Cổ Tức (VND)	851	741	805	-
Giá Trị Sổ Sách (VND)	13,382	14,608	17,758	24,768

VỊ THẾ CÔNG TY

- Vinhomes được thành lập vào năm 2008 với tư cách là bộ phận quản lý phát triển bất động sản của tập đoàn Vingroup. Trong 2018, Vingroup tiến hành tái cấu trúc cả tập đoàn và đã tách Vinhomes thành công ty con và tiến hành IPO vào nửa đầu 2018
- Vinhomes là nhà phát triển bất động sản lớn nhất tại Việt Nam, theo CBRE, hiện tại VHM đang sở hữu quỹ đất 164 triệu m²—gấp 20 lần đối thủ đứng thứ hai.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Trong năm 2018 và 2019, Vinhomes liên tục đưa ra thị trường các sản phẩm Vincy ở Hà Nội và Hồ Chí Minh. Vincy sẽ là dự án chiến lược mang lại tăng trưởng chính cho Vinhomes trong 3-5 năm tới. Mỗi Vincy có hơn 40,000 sản phẩm, tương đương với số lượng bán của cả thị trường Hồ Chí Minh mỗi năm. Hiện tại, Vinhomes đã bán ra Vincy Océapark—Gia Lâm và Vincy Sportia—Nam Từ Liêm và dự kiến sẽ mở bán Vincy Grand Park—quận 9, thành phố Hồ Chí Minh trong năm nay.
- Hai dự án Vincy đầu tiên đã đạt được những thành công lớn với số lượng đặt mua lên đến hơn 98% cho 14,000 sản phẩm mở bán. Lý do chính cho thành công của đợt mở bán này là do mức giá hợp lý cho đại đa số các khách hàng (30 triệu đồng/m²) và chương trình cho vay lên đến 30 năm. Kết quả ấn tượng này sẽ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong 2-3 năm tới.

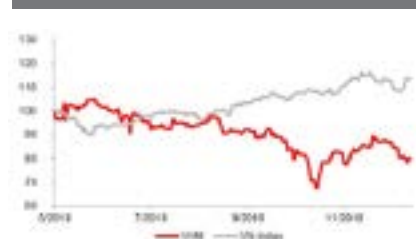
KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Trong năm 2018, VHM ghi nhận doanh thu 38,805 tỷ tăng 154% và lợi nhuận sau thuế 18,522 tỷ tăng 910%. Kết quả kinh doanh ấn tượng này là nhờ có việc hạch toán các dự án như Golden River, Landmark 81 và the Harmony.
- 2019 VHM dự kiến tăng 30% Lợi nhuận sau thuế đạt mức 18,522 tỷ. Con số tăng trưởng ấn tượng đạt được nhờ số lượng giao nhà còn lại từ các dự án trong điểm 2018 như Golden River, landmark 81 và Harmony. Ngoài ra, VHM sẽ giao các sản phẩm thấp tầng tại các Vincy như Oceanpark và Sportia.

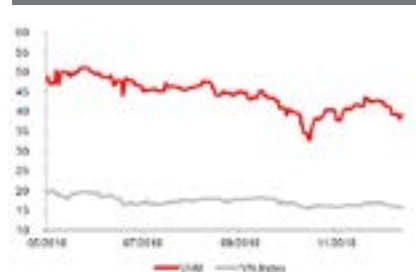
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	94,500
Tăng Trưởng Giá (%)	N/A
Tăng Trưởng So Với Index (%)	N/A
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	315,859.2
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	3,349.5
Sở Hữu Nhà Nước (%)	0%
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	34%
Tỷ Trọng Index (%)	11%
Tỷ Trọng VN30 (%)	5%
P/E (x)	17.31
P/B (x)	5.11
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	0%

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Doanh Thu Thuần (Tỷ VND)	11,217.4	15,297.3	38,805.8	68,494.5
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)		36.4%	153.7%	76.5%
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	1,649	1,410	14,234	18,522
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)		-14.5%	909.7%	30.1%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Gộp (%)	39.7%	33.8%	25.1%	45.6%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Ròng (%)	14.7%	9.2%	36.7%	27.0%
ROE (%)	17.3%	14.3%	48.9%	32.3%
ROA (%)	4.4%	3.2%	16.8%	15.7%
EPS (VND)	8,243	2,349	4,551	5,530
Tăng Trưởng EPS (%)		-72%	94%	22%
Cổ Tức (VND)				
Giá Trị Sổ Sách (VND)	47,745	50,619	14,366	19,896
P/E (x)			17.31	16.3
P/B (x)			5.11	4.52
Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu (x)	1.9	1.2	0.3	0.3
Khả Năng Thanh Toán (x)	0.3	0.8	1.3	1.3

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM-BID

VỊ THẾ CÔNG TY

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), có tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam trực thuộc Bộ Tài chính được thành lập vào năm 1957. Ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực huy động và kinh doanh vốn, và cung cấp các dịch vụ tài chính liên quan. BIDV chính thức hoạt động theo hình thức ngân hàng thương mại cổ phần từ năm 2012. BIDV được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ năm 2014.
- BIDV sở hữu 01 trụ sở chính, 190 chi nhánh trong nước, 01 chi nhánh tại Myanmar, 854 phòng giao dịch, 03 văn phòng đại diện tại Việt Nam (TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng và TP. Cần Thơ) và 06 văn phòng đại diện tại nước ngoài (Campuchia, Myanmar, Lào, Séc, Đài Loan, Liên bang Nga).
- Theo xếp hạng của các tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế, BIDV được Moody's đánh giá là ngân hàng có mạng lưới rộng khắp và sở hữu một trong những hệ thống thanh toán tốt nhất tại Việt Nam.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Triển vọng của hệ thống ngân hàng năm tiếp tục khả quan trong thời gian tới. Chính sách tiền tệ tiếp tục đi theo hướng ổn định vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng nhưng sẽ thận trọng với tỉ lệ tăng trưởng tín dụng ở mức 14-15%/ năm trong các năm tới
- Việt Nam đang thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn 2016-2020 trong bối cảnh gia nhập Cộng đồng Kinh tế Asean (AEC), tham gia Hiệp định Đối tác Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTA) với Liên minh Á-Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản. Sự hội nhập sâu rộng mở ra nhiều cơ hội phát triển kinh tế Việt Nam cũng như tăng trưởng các hoạt động cho vay của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai các giải pháp tái cơ cấu ngành ngân hàng gắn liền với xử lý nợ xấu trong giai đoạn 2016-2020.
- BIDV đã thâm nhập, kết nối thành công thị trường Nhật Bản - Việt Nam, hợp tác với Tập đoàn Bảo hiểm nhân thọ Hoa Kỳ Metlife thành lập Liên doanh bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.

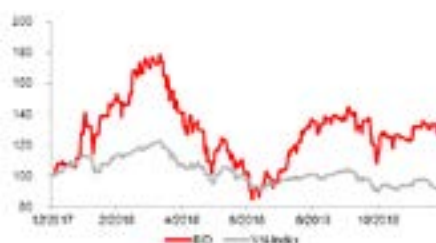
KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Trong năm 2018, lợi nhuận trước thuế của BID tăng nhẹ 9% so với năm trước và vượt 2% kế hoạch đề ra. Ngân hàng tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cho vay sang mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ, thu nhập lãi thuần tăng trưởng 13% so với năm trước. Thu nhập thuần từ thu phí dịch vụ tăng 20%, tuy nhiên, gánh nặng dự phòng tăng cao +27% đã khiến lợi nhuận sau thuế của BID chỉ tăng trưởng 1 con số ở mức 9% so với năm trước.
- Trong năm 2019, dự kiến BID sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ lợi nhuận trước thuế 58% so với năm trước, với tốc độ tín dụng tăng trưởng 15% huy động tăng trưởng 13%. Lãi thuần từ dịch vụ dự kiến tăng trưởng 20% so với năm trước, tương tự mức tăng trưởng kép trong 4 năm gần nhất của BID. Ngoài ra, chi phí trích lập dự phòng được dự báo giảm -4% so với năm trước.

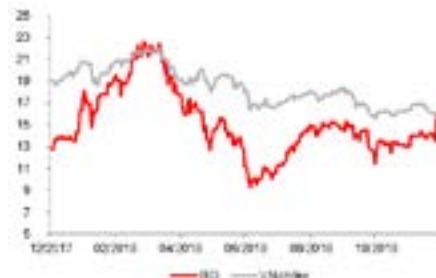
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	34,400
Tăng Trưởng Giá Từ đầu Năm(%)	35
Tăng Trưởng So Với Index (%)	44
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	117,604
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	3,419
Sở Hữu Nhà Nước (%)	95
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	26
Tỷ Trọng Index (%)	4
Tỷ Trọng VN30 (%)	-
P/E (x)	17.0
P/B (x)	1.9
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	2.7

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Thu Nhập Lãi Thuần (Tỷ VND)	23,435	30,955	34,956	40,445
Tăng Trưởng Thu Nhập Lãi (%)	21	32	13	16
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	6,229	6,946	7,542	11,913
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	(2)	12	9	58
Tăng Trưởng Tín Dụng (%)	20.93	19.79	14.06	15.00
Tăng Trưởng Huy Động (%)	25.77	19.06	9.11	12.50
Cho Vay/Huy Động (x)	99.68	100.80	99.91	101.67
Hệ Số An Toàn Vốn (%)	9.00	9.00	-	-
Tỷ Lệ Nợ Xấu (%)	2.0	1.6	1.7	1.5
Tỷ Suất Thu Nhập Lãi (%)	2.7	3.0	2.9	3.0
ROE (%)	14.41	14.94	14.57	17.15
ROA (%)	0.67	0.63	0.60	0.86
EPS (VND)	1,822	2,032	2,206	2,904
Tăng Trưởng EPS (%)	(2)	12	9	32
Cổ Tức (VND)	844	860	745	25
Giá Trị Sổ Sách (VND)	12,913	14,284	15,998	20,525

CTCP ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN - KDH

VỊ THẾ CÔNG TY

- Công ty Nhà Khang Điền (KDH) được thành lập từ năm 2001 bởi các cá nhân, chuyên hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, tư vấn, kinh doanh bất động sản. KDH không chỉ chú trọng công tác nghiên cứu, thẩm định tính hiệu quả của dự án trước khi đầu tư mà còn đề cao công tác thiết kế, hoàn thiện các công trình tiện ích công cộng trước khi chào bán. Ngoài ra, công ty luôn duy trì mối quan hệ chặt chẽ với ngân hàng để hỗ trợ khách hàng vay mua nhà, gần đây nhất là sự kiện ký kết hợp tác chiến lược giữa KDH và Vietinbank.
- Trong những năm khó khăn của thị trường bất động sản, nhờ việc giới thiệu thành công khái niệm mới "nhà ở thuộc khu phức hợp, khép kín, có sân vườn" và bảo vệ 24/24, KDH đã tạo một bước ngoặt lớn cho công ty khi gây dựng được tên tuổi thông qua các dự án lớn như Villa Park, Mega Residence, Mega Ruby, Mega Village, Trí Kiệt, gần đây nhất là Melosa và Lucasta. Hiện nay, KDH là một trong các nhà phát triển dự án lớn nhất ở quận 9

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

- Với quỹ đất 500ha ở quận 9 và Bình Chánh, KDH có thể triển khai nhanh chóng các kế hoạch phát triển trong 5 năm tới. Trong 2019, tuy thị trường bất động sản gặp rất nhiều khó khăn trong việc đưa các sản phẩm mới ra thị trường, KDH vẫn có thể mở bán được dự án Safira với số lượng sản phẩm là 1570 sản phẩm. Số lượng đất mua của dự án này cũng rất ấn tượng với mức trên 90%.
- Ngoài ra, mức độ sẵn sàng của quỹ đất sạch đang nắm giữ, KDH có thể thực hiện chuyển nhượng hay mở các sản phẩm mới nhằm đảm bảo các kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của họ.

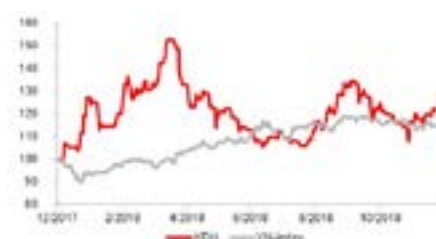
KẾT QUẢ NĂM 2018 VÀ DỰ PHÒNG 2019

- Trong 2018, KDH ghi nhận kết quả Doanh thu đạt 2,916.6 tỷ giảm 5 % trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 809 tỷ tăng 61%. Kết quả lợi nhuận ấn tượng là nhờ việc giao nhà của dự án trọng điểm Jamila và bán quỹ đất của BCI (KDH đã mua lại từ năm trước)
- Trong 2019, dự kiến doanh thu đạt 3,853.6 tỷ tăng 32% và lợi nhuận sau thuế sẽ đạt mức 941 tỷ tăng 16%. Kết quả dự phóng này dựa trên việc KDH sẽ bàn giao tiếp dự án Jamila và việc phát triển hai dự án thấp tầng mới là Kim Phát và Phú Hữu

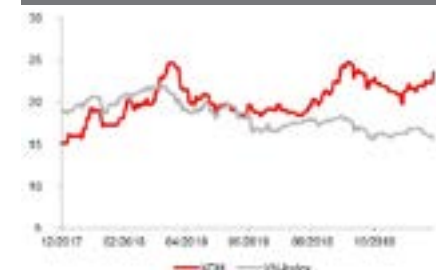
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 31/12/2018

Giá Cổ Phiếu	31,200
Tăng Trưởng Giá Từ đầu Năm(%)	28%
Tăng Trưởng So Với Index (%)	36%
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	12,917.5
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	414.0
Sở Hữu Nhà Nước (%)	0%
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	1%
Tỷ Trọng Index (%)	0.4%
Tỷ Trọng VN30 (%)	0.0%
P/E (x)	16.89
P/B (x)	1.98
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	2%

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019F
Doanh Thu Thuần (Tỷ VND)	3,931.6	3,054.8	2,916.6	3,853.6
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	274.5%	-22.3%	-4.5%	32.1%
Lợi Nhuận Sau Thuế (Tỷ VND)	372	502	809	941
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	42.8%	35.1%	61.1%	16.4%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Gộp (%)	24.9%	33.9%	42.7%	41.9%
Tỷ Suất Lợi Nhuận Ròng (%)	9.5%	16.4%	27.7%	24.4%
ROE (%)	8.7%	9.5%	12.4%	12.8%
ROA (%)	0.8%	5.7%	8.1%	8.8%
EPS (VND)	1,590	2,000	2,020	2,350
Tăng Trưởng EPS (%)	-24%	26%	1%	16.4%
Cổ Tức (VND)	700	1,000	500	500
Giá Trị Sổ Sách (VND)	18,794	18,425	16,667	18,940
P/E (x)	12.59	18.33	16.89	12.9
P/B (x)	1.06	1.49	1.98	1.65
Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu (x)	4.2	1.9	2.2	2.2
Khả Năng Thanh Toán (x)	2.1	2.3	1.7	1.7

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ



ÔNG ĐẶNG THÁI NGUYÊN

Chủ tịch

Tổng Giám Đốc
Công ty CP Chứng khoán Việt



ÔNG LÊ TRUNG THÀNH

Thành viên

Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Mía
đường Lam Sơn



BÀ LÊ THỊ THU HƯƠNG

Thành viên

Phó Tổng Giám đốc tại Công ty TNHH
Kiểm toán Đại Tín



BÀ PHẠM THỊ THANH THÚY

Thành viên

Giám đốc Pháp chế & Tuân thủ – Công
ty VFM

Để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động hiệu quả của Quỹ VFMVF4, trong năm 2018, Ban đại diện đã theo sát những dấu hiệu thị trường và chấp thuận ý kiến cho Ban điều hành Quỹ thực hiện các hoạt động sau:

- Ngày 18/3/2018, Ban điều hành Quỹ đã thông qua nội dung, chương trình Đại hội, báo cáo tài chính đã kiểm toán, lựa chọn công ty kiểm toán, phân phối lợi nhuận, các điều chỉnh Điều lệ Quỹ, cập nhật danh sách ngân hàng thương mại và chỉnh sửa Sổ tay định giá Quỹ.

- Ngày 24/4/2018, cuộc họp Ban đại diện quý 1 thông qua báo cáo kết quả hoạt động quý 1, báo cáo hoạt động quản trị rủi ro, chiến lược quản trị rủi ro quý năm 2018 và kế hoạch hoạt động quý 2, ủy quyền công ty VFM chủ động lựa chọn 3 công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ báo giá cho quỹ và lựa chọn công ty kiểm toán cho quý năm 2018 là KPMG.

- Ngày 22/6/2018, Ban điều hành Quỹ tổ chức họp mặt trực tiếp để nghe báo cáo tình hình thị trường kinh tế vĩ mô, báo cáo hoạt động và báo cáo quản trị rủi ro quý 2, kế hoạch hoạt động quý 3 và cập nhật cơ chế giao dịch thỏa thuận cổ phiếu và trái phiếu đến hết tháng 7 năm 2019.

- Ngày 31/10/2018, cuộc họp Ban đại diện quý 3 đã thông qua báo cáo hoạt động và quản trị rủi ro quý 3 và kế hoạch hoạt động quý 4. Ngoài ra, chiến lược quản trị rủi ro của quỹ đã được cập nhật cùng với chỉnh sửa Sổ tay định giá và đề xuất ngân sách tổ chức Đại hội thường niên và báo cáo thường niên năm 2018.

- Ngày 1/2/2019, cuộc họp quý 4 được Ban đại diện thông qua bằng văn bản, thông qua báo cáo và hoạt động quản trị rủi ro quý và kế hoạch hoạt động năm 2019 của quỹ. Ngoài ra, Ban đại diện thông qua đề xuất ngân sách hoạt động năm 2019, quy chế biểu quyết, bầu cử bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản cả chương trình Đại hội thường niên năm 2018 cùng danh sách đề cử thành viên Ban đại diện nhiệm kỳ 2019 – 2022.

- Ngoài ra, cùng với những cơ hội đầu tư, Ban điều hành Quỹ đã chủ động xin ý kiến đầu tư của Ban đại diện nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động Quỹ, thông qua các nghị quyết đầu tư vào TCB, VHM, YEG, HD Saison....

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (VFM) là công ty quản lý quỹ nội địa đầu tiên tại Việt Nam trực thuộc Dragon Capital – tập đoàn quản lý quỹ nước ngoài có hơn 21 năm kinh nghiệm trên TTCK Việt Nam, hiện quản lý tổng tài sản gần 2 tỷ đô la. Sau 12 năm hình thành và phát triển, công ty VFM tự hào là nhà quản lý quỹ hàng đầu tại Việt Nam có tổng tài sản được quản lý lớn nhất và được bình chọn bởi các tạp chí tài chính uy tín cho những thành tựu đã đạt được trong sự nghiệp phát triển ngành quản lý quỹ tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

Công ty VFM luôn là đơn vị tiên phong và dẫn đầu thị trường trong việc cho ra đời các sản phẩm đầu tư đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư ngày càng tăng tại Việt Nam. Các quỹ đầu tư được thiết kế tùy theo mức độ chấp nhận rủi ro tương ứng với mức sinh lời kỳ vọng của từng nhà đầu tư.

Giải thưởng của VFM:

- **Công ty quản lý quỹ xuất sắc nhất Việt Nam năm 2017**
được bình chọn bởi The Asset.
- **Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2016**
được bình chọn bởi International Finance Magazine.
- **Công ty quản lý quỹ đầu tư xuất sắc 2016**
được bình chọn bởi Wealth & Finance International.
- **Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2014**
được bình chọn bởi Global Banking and Finance Review.
- **Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2014**
được bình chọn bởi International Finance and Asia Asset Management.

Hiện tại, công ty VFM đang quản lý các sản phẩm quỹ sau:

SẢN PHẨM QUỸ HIỆN TẠI	Đầu tư chủ động		
	VF1 Thành lập năm 2004 Quỹ cân bằng, đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn và chứng khoán nợ trên thị trường	VF4 Thành lập năm 2008 Quỹ blue-chips, đầu tư năng động vào các doanh nghiệp	VFB Quỹ mở, thành lập năm 2013 Đầu tư năng động vào các chứng khoán nợ
SẢN PHẨM QUỸ ĐANG PHÁT TRIỂN	Đầu tư thụ động		
	ETF VFMVN30 Quỹ hoán đổi danh mục thành lập năm 2014 Đầu tư thụ động, mô phỏng biến động chỉ số VN30 Index		
	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG	QUỸ BẤT ĐỘNG SẢN	

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Nhà đầu tư có thể tìm hiểu và đăng ký giao dịch CCQ của VFM quản lý thông qua hệ thống đại lý phân phối và thành viên lập quỹ (đối với ETF).

Tên Đại lý phân phối	Tên viết tắt	VF1	VF4	VFB	ETF VFMVN30
		Số Tài khoản ngân hàng nộp tiền (*)			
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam	VFM	90183711704	1020650-055	1020155-055	
Công ty CP chứng khoán Hồ Chí Minh	HSC	90183711705	1020650-031	1020155-031	901 961 22 504
Công ty chứng khoán KIS	KIS	90183711706	1020650-035	1020155-032	
Công ty CP chứng khoán Rồng Việt	VDSC	90183711707	1020650-034	1020155-033	
Công ty CP chứng khoán Bản Việt	VCS	90183711708	1020650-032	1020155-034	
Công ty chứng khoán Vietcombank	VSLC	90183711709	1020650-037		
Công ty CP chứng khoán VIỆT	VSJSC	90183711710			
Công ty CP chứng khoán NH Sài Gòn Thương Tín	SSJC	90183711711	1020650-036		
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	SSI	90183711712	1020650-033		
Công ty CP chứng khoán FPT	FPTS	90183711713	1020650-038	1020155-035	
Công ty CP chứng khoán VNDIRECT	VND	90183711714	1020650-039	1020155-036	
Công ty CP chứng khoán An Bình	ABS	90183711715	1020650-040	1020155-037	
Công ty CP Chứng khoán MaritimeBank	MBSC	90183711716	1020650-041	1020155-038	
Công ty CP chứng khoán Bảo Việt	BVSJSC				901 961 22 505
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	ACBS				901 961 22 506
Công ty CP Chứng khoán Tân Việt	TVSI				901 961 22 507

Trụ sở chính	Chi Nhánh
Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3825 1488 - Fax: (028) 3825 1489	Phòng 903, tầng 9, Toà nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (024) 3942 8168 - Fax: (024) 3942 8169
Lầu 5-6 Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Bến Thành, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3823 3299 Fax:(028) 3823 3301	Lầu 4-5, tòa nhà 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (024) 3933 4693 - Fax: (024) 3933 4822
Tầng 3, Toà nhà Maritime Bank, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3914 8585 - Fax: (028) 3821 6898	Tầng 6, Tòa nhà CTM, số 299 Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, Hà Nội Tel: (024) 3974 4448 - Fax: (024) 3974 4501
Tòa nhà VietDragon, 141 Nguyễn Du, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 6299 2006 - Fax: (028) 6291 7986	
Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 02 Hải Triều, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3914 3588 - Fax: (028) 3914 3209	Tòa nhà capital, 109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (024) 6262 6999 - Fax: (024) 6278 2688
Tầng 12 & 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (024) 3936 6426 - Fax: (024) 3936 0262	Lầu 1 và Lầu 7, toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, Tp.HCM Tel: (028) 3820 8116 - Fax: (028) 3820 8117
Tầng 3, 117 đường Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An Tel: (038) 383 7606 - Fax: (038) 358 8271	
278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Q.3, Tp.HCM Tel: (028) 6268 6868 - Fax: (028) 6255 5939	Tầng 6-7, 88 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (024) 3942 8076 - Fax: (024) 3942 8075
72 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3824 2897 - Fax: (028) 3824 2997	1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (024) 3936 6321 - Fax: (024) 3936 6311
Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, Hà Nội Tel: (024) 3773 7070 - Fax: (024) 3773 9058	Tầng 3, Tòa nhà Bến Thành Times Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 6290 8686 - Fax: (028) 6291 0607
Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội Tel: (024) 3972 4568 - Fax: (024) 3972 4600	Tòa nhà THE 90th PASTEUR, số 90 Pasteur, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 7300 0688 - Fax: (028) 3914 6924
Số 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội Tel: (024) 3562 4626 - Fax: (024) 3562 4628	P201, Toà nhà Smart View, 161A-163-165 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3838 9655 - Fax: (028) 3838 9656
Tầng 1 và tầng 3, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội Tel: (024) 3776 5929 - Fax: (024) 3776 5928	Tầng 2, Maritime Bank Tower, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3521 4299 - Fax: (028) 3914 1969
Số 8 Lê Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (024) 3928 8080 - Fax: (024) 3928 9888	Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3914 6888 - Fax: (028) 3914 7999
41 Mạc Đĩnh Chi, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3823 4160 - Fax: (028) 3928 9888	10 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (024) 3942 9395 - Fax: (024) 3942 9407
Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (024) 3728 0921 - Fax: (024) 3728 0920	193-203 Trần Hưng Đạo, Cô Giang, Q.1, Tp.HCM Tel: (028) 3838 6868 - Fax: (028) 3920 7542

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF4) đã được kiểm toán bởi **Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam**. Quý nhà đầu tư vui lòng xem bản đầy đủ tại website công ty VFM theo địa chỉ ***www.vfm.com.vn***

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VietFund Management (VFM). Tất cả những số liệu liên quan đến Báo cáo Tài chính của Quỹ được công ty VFM công bố trong báo cáo này đã được kiểm toán theo luật định. Đối với những nội dung khác trong báo cáo được công ty VFM phát hành dựa trên những nguồn thông tin đáng tin cậy và/ hoặc đã được công bố ra công chúng. Những quan điểm, dự báo và các ước tính trong báo cáo chỉ thể hiện quan điểm của những người viết tại thời điểm phát hành, không hàm ý bảo đảm những dự đoán, khả năng sinh lời và mức độ rủi ro có thể xảy ra, mà chỉ mang tính chất tham khảo. Chúng tôi không đảm bảo và không chịu trách nhiệm về mọi thua lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra cho mọi cá nhân hoặc nhóm người nào sử dụng những thông tin nêu trên trong tài liệu này vào mục đích đầu tư.



VFM

TRỤ SỞ CHÍNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point,

02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Tel: (028) 3825 1488 Fax: (028) 3825 1489

Email: info@vfm.com.vn

Hỗ trợ: ir@vfm.com.vn

Website: www.vfm.com.vn

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Phòng 903, tầng 9, Tòa nhà BIDV,

194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Tel: (024) 3942 8168

Fax: (024) 3942 8169